TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI NGUYÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-01-2022

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thu Trang và ông Dương Bảo Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Uyên - Thư ký Tòa án TAND huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2021/TLST ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Triệu Văn Gi, Sinh năm 1973.

Trú tại: Xóm OT, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/10.

(có mặt)

Bị đơn: Chị Lê Thị M, Sinh năm 1975.

Trú tại: Xóm OT, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 3/10.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Chính sách xã hội, Phòng giao dịch huyện VN, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế V, Sinh năm 1972.

Chức vụ: Phó giám đốc; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Cán bộ; Trình độ văn hóa: 12/12.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Liêu Văn S; Sinh năm 1973.

Chức vụ: Phó giám đốc; Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Cán bộ; Trình độ văn hóa: 12/12.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Gi và chị M đều thừa nhận tổ chức kết hôn năm 1993 theo phong tục địa phương không đăng ký kết hôn, trước khi về chung sống với nhau được tìm hiểu, tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống có 02 con chung là Triệu Thị M1, sinh ngày 02/3/1998, Triệu Thị Vân A sinh ngày 09/6/2001, sau khi cưới đến năm 1996 anh chị ra ở riêng đến nay. Quá trình chung sống anh Gi và chi M khai tài sản chung có một ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m2 lợp tấm tôn làm trên diện tích 400m2 đất vườn, ruộng cấy 5 sào mang tên Triệu Văn Gi và một số tài sản sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra chị M còn khai tài sản chung anh chị còn có 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 01 tủ tường, 01 tủ quần áo, 01 téc nước, 01 chậu rửa mặt, 01 chậu rửa bát, 03 chiếc giường. Về nợ chung anh chị nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 100.000.000 đồng, dư nợ còn lại là 60.000 đồng; Ngân hàng chính sách xã hội 50.000.000 đồng

Về lý do xin ly hôn anh Gi khai: Trong suốt quá trình chung sống ban đầu anh chị sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2005 anh chị bắt đầu sảy ra mâu thuẫn tuy nhiên vẫn giải quyết được, đến năn 2019 chị M đi làm công ty vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn thường xuyên. Chị M đi làm không còn quan tâm đến gia đình, chồng con, đến nay các con của anh chị đã trưởng thành đi xây dựng gia đình một mình anh tự chăm sóc bản thân và tự trang trả nợ nần, chị M không có phụ giúp gì, cũng không còn tình cảm với anh nữa, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay anh đề nghị được ly hôn chị M, về con chung hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh Gi đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nếu chị M không yêu cầu chia tài sản anh sẽ có trách nhiệm trả nợ hai ngân hàng.

Bị đơn chị M cho rằng: Trong quá trình chung sống ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ năm 2019 chị đi làm công ty vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, hiện nay anh Gi còn đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống. Nên chị đi làm công ty không về nhà thường xuyên

nữa, hiện nay đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay anh Gi xin ly hôn chị nhất trí, về con chung các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung chị với anh Gi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung yêu cầu anh Gi có trách nhiệm trả hai ngân hàng đã vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Ngân hàng Chính sách xã hội, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Thế V trình bày: Ông Triệu Văn Gi, sinh năm 1973, địa chỉ xóm OG xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Người thừa kế là chị Lê Thị M, sinh năm 1975. Ngân hàng Chính sách xã hội cho ông Gi vay tại hợp đồng vay vốn số: 7078617596 ngày 21/02/2017 vay vốn hộ hộ nghèo; Số tiền 50.000.000; Lãi suất 0,55% /tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/02/2022. Nay đề nghị Toà án xem xét giải quyết nghĩa vụ trả nợ theo phương thức: Người nào được hưởng đất và tài sản trên đất chung của hai vợ chồng thì người đó có nghĩa vụ trả nợ để bảo đảm lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, đại diện theo ủy quyền ông Liêu Văn S trình bày: Ngày 02/9/2019, gia đình ông Triệu Văn Gi và bà Lê Thị M có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: một trăm triệu đồng chẵn) theo Hợp đồng tín dụng số 8504-LAV-201902959, hạn trả cuối cùng ngày 02/12/2024. Dư nợ gốc còn lại là: 60.000.000 (sáu mươi triệu đồng chẵn). Tài sản để đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất BB035942 cấp ngày 01/11/2011 mang tên ông Triệu Văn Gi, diện tích: 2.045m^2. Địa chỉ tài sản tại xóm OG, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Nay ông Triệu Văn Gi và bà Lê Thị M ra tòa xin ly hôn, đề nghị ông Triệu Văn Gi và bà Lê Thị M có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc là: 60.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng trên và lãi phát sinh theo quy định trên hợp đồng tín dụng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Toà án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện hết quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc giải quyết vụ án: Anh Triệu Văn Gi và chị Lê Thị M chung sống như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Văn Gi và chị Lê Thị M.

Về con chung: Có 02 con chung là Triệu Thị M1, sinh ngày 02/3/1998, Triệu Thị Vân A sinh ngày 09/6/2001 đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Gi nhất trí và tự nguyện có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội 50.000.000 đồng và lãi phát sinh; Trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam 60.000.000đ và lãi phát sinh. Tại phiên Tòa chị M không có mặt do đó anh Gi tiếp tục thực hiện việc thanh toán các khoản nợ cho ngân hàng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

Về án phí: Anh Gi phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là chị Lê Thị M cư trú tại xóm OG, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập chị M đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh Gi, chị M có đến làm việc với Tòa án một lần. Tuy nhiên quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Tòa án triệu tập các đương sự để tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải được. Ngày 31/12/2021, Toà án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh tại UBND xã BL, Công an xã BL và xác minh tại ban xóm OG xác định được các giấy triệu tập của Toà án đã giao nhận hợp lệ cho chị M, hiện nay chị M vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương chưa cắt chuyển hộ khẩu tạm vắng đi đâu, các giấy triệu tập chị M đã được gia đình chị M nhận và đã thông báo cho chị M biết, nhưng chị M không có mặt tại Tòa án để tiếp tục giải quyết vụ án. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn giữa nguyên đơn anh Triệu Văn Gi và bị đơn chị Lê Thị M. Quá trình giải quyết vụ án anh Gi và chị M đều khai không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ngày

29/11/2021 Tòa án nhân dân huyện VN đã tiến hành xác minh tại UBND xã BL, qua rà soát sổ đăng ký kết hôn xác định được anh Gi và chị M không đăng ký kết hôn tại UBND xã BL. Do đó xác định cuộc hôn nhân giữa anh Gi và chị M là cuộc hôn nhân vi phạm về thủ tục kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ năm 1993 anh Gi và chị M được gia đình tổ chức kết hôn nhưng không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống như vợ chồng từ đó đến nay. Do vậy mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình đều không có giá trị pháp lý. Song xét thấy việc anh Gi và chị M chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương từ năm 1993 đến nay, cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, anh chị đã có con chung và tài sản chung. Nay anh Gi có yêu cầu ly hôn chị Mi, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình xét về quan hệ vợ chồng không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Gi và chị M.

[4]. Về con chung: Quá trình giải quyết tại Tòa án anh Gi và chị M khai có 02 con chung là Triệu Thị M1, sinh ngày 02/3/1998, Triệu Thị Vân A sinh ngày 09/6/2001. Các con của anh chị đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Gi và chị M đề nghị tự thỏa thuận chia nhau không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Tại Hợp đồng vay vốn số: 7078617596 ngày 21/02/2017 anh Gi vay vốn hộ hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 50.000.000 đồng; Lãi suất 0,55% /tháng; Hạn trả nợ cuối cùng ngày 19/02/2022. Tại Hợp đồng tín dụng số 8504-LAV-201902959 ngày 02/9/2019, gia đình anh Gi và chị M có vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp & PTNT số tiền 100.000.000 đồng theo hạn trả cuối cùng ngày 02/12/2024. Dư nợ gốc còn lại là: 60.000.000 đồng. Tài sản để đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất BB035942 cấp ngày 01/11/2011 mang tên ông Triệu Văn Gi, diện tích: 2.045m^2. Địa chỉ tài sản: xóm OG, xã BL, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, hai khoản vay trên anh Giang là người đứng ra vay của hai ngân hàng. Quá trình vay anh Gi và chị M vẫn trả gốc và lãi theo hợp đồng đã ký, chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay.

Quá trình giải quyết vụ án anh Gi đề nghị có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam, đại diện hai ngân hàng đều nhất trí. Tại phiên tòa chị M vắng mặt, tuy nhiên tại các bản khai tại Tòa án chị đề nghị anh Gi có trách nhiệm trả nợ. Tại phiên Tòa anh Gi nhất trí và tự nguyện trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội 50.000.000 đồng và lãi phát sinh; Trả cho Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam 60.000.000đ và lãi phát sinh. Xét đề nghị của anh Gi là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Buộc anh Gi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Triệu Văn Gi và chị Lê Thị M.

2- Về con chung: Các con của anh Gi và chị M là là Triệu Thị M1, sinh ngày 02/3/1998, Triệu Thị Vân A sinh ngày 09/6/2001 đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3- Về tài sản chung: Anh Gi đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Anh Triệu Văn Gi tự nguyện có trách nhiệm trả các khoản vay theo nội dung hợp đồng đã thỏa thuận cụ thể:

- Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện vn khoản vay ngày 21/02/2017 vay vốn cận nghèo là 50.000.000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện VN, tỉnh Thái Nguyên khoản vay ngày 02/9/2019 là 60.000.000 đồng *(dư nợ còn lại)* và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

5- Về án phí: Buộc anh Triệu Văn Gi phải chịu 300.000^{đ} án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VN theo biên lai số 0004811 ngày 12/10/2021

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự).

6- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã.

Nơi nhận:
- VKS, THADS;
- TAND tỉnh;
- UBND xã BL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương